

Số: **2407/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày **28** tháng 12 năm 2018

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 11.3.3.6
	Ngày: .. 28/12/18
	Chuyên:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch bãi thải trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 29/6/2015;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/06/2009;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;
Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về Quản lý chất thải rắn;
Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu;
Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025;
Căn cứ Thông tư số 13/2007/TT-BXD ngày 31/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;
Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;
Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 19/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng;
Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong ngành xây dựng;
Căn cứ Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch bảo vệ môi trường KKT Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch bãi thải trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi tại Tờ trình số 73/Tr-BQL ngày 25/12/2018 về việc phê duyệt Quy hoạch bãi thải trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất và Báo cáo kết quả thẩm định số 218/BC-BQL ngày 25/12/2018 (kèm theo ý kiến của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 6651/STNMT-MT ngày 17/12/2018, của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 4087/SXD-ĐT&HT ngày 31/12/2018 và của UBND huyện Bình Sơn tại Công văn số 3107/UBND-CNXD ngày 25/12/2018),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch bãi thải trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất, với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch bãi thải trên địa bàn KKT Dung Quất.

2. Phạm vi đồ án: Quy hoạch các bãi thải là nơi tập kết, đổ thải các loại vật liệu đổ thải phát sinh trong quá trình khảo sát, thi công xây dựng các hạng mục, công trình và dự án trên địa bàn KKT Dung Quất đến năm 2025, phù hợp theo Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng KKT Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025.

3. Mục tiêu quy hoạch:

- Quy hoạch các bãi thải là nơi tập kết vật liệu đổ thải phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng nhằm đảm bảo công tác bảo vệ môi trường và phù hợp với điều chỉnh quy hoạch chung của Khu kinh tế Dung Quất.

- Đề ra chiến lược quản lý tổng hợp chất thải rắn xây dựng trên địa bàn KKT Dung Quất, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn xây dựng, cải thiện chất lượng môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững của khu vực. Góp phần thực hiện mục tiêu chung về quản lý quy hoạch chất thải xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Xác định tính chất, quy mô, cơ cấu sử dụng đất, tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan.

- Cụ thể hóa đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 theo Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

- Làm cơ sở cho thỏa thuận vị trí đổ thải vật liệu đổ thải cho các nhà đầu tư, đơn vị thi công xây dựng trên địa bàn KKT Dung Quất và là cơ sở pháp lý cho việc lập các dự án đầu tư xây dựng, cấp giấy phép xây dựng và quản lý quá trình đầu tư xây dựng theo quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất.

4. Đối tượng đổ thải:

- Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng được bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp.

- Đất, đá, vật liệu xây dựng dư thừa,... được tái sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng cho các công trình xây dựng.

Đối tượng đổ thải của quy hoạch này được gọi chung là vật liệu đổ thải.

5. Quy hoạch các bãi thải:

5.1. Tổng hợp các bãi thải được quy hoạch:

TT	Tên Bãi thải	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trữ lượng (m ³)	Vật liệu đổ thải
1	Bãi thải số 1	Đất thuộc KCN phía Đông KKT Dung Quất, xã Bình Trị (gần Mỏ đá Phước Hòa 2)	8,99	2.909.022	Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng; Đất, đá, vật liệu xây dựng dư thừa.
2	Bãi thải số 2	Đất thuộc KCN phía Đông KKT Dung Quất, xã Bình Trị (đối diện công Nhà máy lọc dầu Dung Quất)	11,35	433.100	Đất, đá, vật liệu xây dựng dư thừa (tái sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng)
3	Bãi thải số 3	Đất thuộc KCN phía Đông KKT Dung Quất, (Phía sau UBND xã Bình Trị)	13,9	1.386.448	Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng; Đất, đá, vật liệu xây dựng dư thừa.
4	Bãi thải số 5	Đất thuộc KCN Dung Quất II, xã Bình Phú (Hồ Bàu Trắng)	21,68	2.898.680	Lựa chọn vật liệu đổ thải phù hợp theo quy hoạch dự án thuộc FLC.
5	Bãi thải số 7	Đất thuộc KCN Dung Quất II, Thôn Nhân Hòa 1, xã Bình Tân	11,47	350.780	Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng
6	Bãi thải số 8	Đất thuộc quy hoạch TĐC Châu	3,47	110.616	Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất,

		Ồ, Thôn Mỹ Yên, xã Bình Long			nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng; Đất, đá, vật liệu xây dựng dư thừa.
7	Bãi thải số 9	Đất thuộc KCN phía Đông KKT Dung Quất, thôn An Lộc Bắc, xã Bình Trị	1,507	31.634	Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng; Đất, đá, vật liệu xây dựng dư thừa.
Tổng cộng			72,367	8.120.280	

5.2 Quy hoạch chi tiết các bãi thải:

(1) Bãi thải số 01

a) Vị trí, diện tích:

Bãi thải số 01 có diện tích khoảng 8,99 ha thuộc KCN phía Đông KKT Dung Quất (thuộc tờ bản đồ số 4, 13, 14 xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi); được giới hạn bởi các vị trí điểm góc có tọa độ (VN 2000) như sau:

Điểm góc Tọa độ - Bãi thải số 01					
STT	X	Y	STT	X	Y
M1	1698757.90	586216.46	M4	1698127.35	586069.38
M2	1698749.04	586249.38	M5	1698264.74	585874.13
M3	1698651.44	586290.59	M6	1698628.40	586184.69

b) Phương án đổ thải

- Loại chất thải: Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng; Đất, đá, vật liệu xây dựng dư thừa,.... làm vật liệu san lấp mặt bằng.

- Cao độ đỉnh bãi thải: + 65,4m.

- Trữ lượng đổ thải khoảng: 2.909.022 m³

- Hình thức đổ thải: Chôn lấp, đổ tràn

- Kết thúc đổ thải: Bãi thải sau khi đổ đầy theo thiết kế, tiến hành phủ lớp đất trồng dày tối thiểu 20cm, trồng cỏ hoặc cây xanh.

(2) Bãi thải số 02

a) Vị trí, diện tích:

Bãi thải số 02 có diện tích khoảng 11,35 ha thuộc KCN phía Đông KKT Dung Quất (thuộc tờ bản đồ số 39, 40, 52, 53, xóm Hòa Trung, thôn Phước Hòa, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi); được giới hạn bởi các vị trí điểm góc có tọa độ (VN 2000) như sau:

Điểm góc Tọa độ - Bãi thải số 02					
STT	X	Y	STT	X	Y
M1	1697082.00	587433.90	M13	1697375.00	587178.50
M2	1696991.00	587409.60	M14	1697346.00	587135.00
M3	1696986.00	587325.70	M15	1697178.00	587131.20
M4	1697067.00	587269.40	M16	1697269.00	586870.30
M5	1697111.00	587245.30	M17	1697277.00	586872.70
M6	1697155.00	587198.40	M18	1697268.00	586921.30
M7	1697157.00	587190.10	M19	1697292.00	586923.40
M8	1697168.00	587208.70	M20	1697295.00	586973.30
M9	1697211.00	587240.50	M21	1697374.00	587065.70
M10	1697245.00	587249.90	M22	1697481.00	587055.00
M11	1697300.00	587252.30	M23	1697573.00	587235.50
M12	1697326.00	587243.40	M24	1697357.00	587313.90

b) Phương án đổ thải

- Loại chất thải: Đất, đá, vật liệu xây dựng dư thừa,... được tái sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng.

- Cao độ đỉnh bãi: + 4,0m.

- Trữ lượng đổ thải khoảng: 433,100m³

- Hình thức đổ thải: Chôn lấp, đổ tràn

- Kết thúc đổ thải: Bãi thải sau khi đổ đầy theo thiết kế, có thể sử dụng mặt bằng bãi thải để đầu tư xây dựng công trình theo quy hoạch hoặc trồng cỏ, cây xanh.

(3) Bãi thải số 03

a) Vị trí, diện tích

Bãi thải số 03 có diện tích khoảng 13,90 ha thuộc KCN phía Đông KKT Dung Quất (thuộc tờ bản đồ số 56,57,65,66 thôn Phước Hòa, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi); được giới hạn bởi các vị trí điểm góc có tọa độ (VN 2000) như sau:

Tọa độ điểm góc - Bãi thải số 03					
STT	X	Y	STT	X	Y
M1	1696731.44	589765.88	M4	1696457.39	589391.14
M2	1696829.45	589718.94	M5	1696360.67	589676.39
M3	1696853.38	589433.40	-	-	-

b) Phương án đổ thải

- Loại chất thải: Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng; Đất, đá, vật liệu xây dựng dư thừa,.....

- Cao độ đỉnh bãi: +18,0m
- Trữ lượng đổ thải khoảng: 1.382.067 m³
- Hình thức đổ thải: Chôn lấp, đổ tràn.
- Kết thúc đổ thải: Bãi thải sau khi đổ đầy theo thiết kế, tiến hành phủ lớp đất trồng dày tối thiểu 20cm, trồng cỏ hoặc cây xanh.

(4) Bãi thải số 05

a) Vị trí, diện tích

Bãi thải số 05 có diện tích 21,68 ha thuộc KCN Dung Quất II (thuộc tờ bản đồ số 9, Hồ Bàu Trắng, thôn Phú Nhiêu, xã Bình Phú, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi); giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ (VN2000) như sau:

Tọa độ điểm góc - Bãi thải số 05					
STT	X	Y	STT	X	Y
M1	1690224.88	593883.56	M11	1689531.39	594178.96
M2	1690183.24	593840.81	M12	1689611.80	594245.02
M3	1690111.76	593831.97	M13	1689635.25	594281.23
M4	1690071.69	593846.81	M14	1689636.33	594335.37
M5	1690025.85	593844.85	M15	1689653.04	594396.18
M6	1690007.44	593877.10	M16	1689896.87	594296.57
M7	1689959.03	593927.40	M17	1689961.31	594221.17
M8	1689857.76	593941.21	M18	1690210.42	594115.37
M9	1689774.95	594024.14	M19	1690382.78	594003.86
M10	1689580.12	594136.09	M20	1690353.26	593956.73

b) Phương án đổ thải

- Loại chất thải: Lựa chọn loại vật liệu đổ thải phù hợp sau khi điều chỉnh quy hoạch tại vị trí này.

- Cao độ đỉnh bãi: +12m.
- Trữ lượng đổ thải khoảng: 2.898.680m³
- Hình thức đổ thải: Chôn lấp, đổ tràn.

- Kết thúc việc đổ thải: Bãi thải sau khi đổ đầy theo thiết kế, tiến hành phủ lớp đất trồng dày tối thiểu 20cm, trồng cỏ hoặc cây xanh; tiến hành xây dựng các công trình. Vị trí này được ưu tiên phục vụ nhu cầu đổ thải cho các dự án của FLC, vật liệu đổ thải được lựa chọn phù hợp theo quy hoạch dự án thuộc Tập đoàn FLC.

(5) Bãi thải số 07

a) Vị trí, diện tích

Bãi thải số 07 có diện tích 11.47 ha thuộc KCN Dung Quất II (thuộc tờ bản đồ số 27, thôn Nhân Hòa 1, xã Bình Tân, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi); giới hạn bởi các điểm góc có hệ tọa độ (VN2000) như sau:

Tọa độ điểm góc - Bãi thải số 07					
STT	X	Y	STT	X	Y
M1	1684191.74	591337.19	M3	1683929.46	591722.12
M2	1684242.08	591632.06	M4	1683800.98	591404.68

b) Phương án đổ thải

- Loại chất thải: Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng.

- Cao độ đỉnh bãi: +8m

- Trữ lượng đổ thải khoảng: 350.780m³

- Hình thức đổ thải: Chôn lấp, đổ tràn.

- Kết thúc đổ thải: Bãi thải sau khi đổ đầy theo thiết kế, tiến hành phủ lớp đất trồng dày tối thiểu 20cm, trồng cỏ hoặc cây xanh hoặc cải tạo vị trí này sử dụng vào mục đích trồng trọt của địa phương.

(6) Bãi thải số 08

a) Vị trí, diện tích

Bãi thải số 08 có diện tích 3.45 ha thuộc quy hoạch Khu tái định cư Châu Ô (thuộc tờ bản đồ số 07, thôn Mỹ Yên, xã Bình Long, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; giới hạn bởi các điểm góc có hệ tọa độ (VN2000) như sau:

Tọa độ điểm góc - Bãi thải số 08					
STT	X	Y	STT	X	Y
M1	1690725.21	582464.24	M4	1690538.16	582495.59
M2	1690609.87	582300.01	M5	1690717.62	582536.71
M3	1690473.68	582371.08			

b) Phương án đổ thải

- Loại chất thải: ~~Đất, bùn~~ đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng; Đất, đá, vật liệu xây dựng dư thừa,....

- Cao độ đỉnh bãi: +4m

- Trữ lượng đổ thải khoảng: 110.616m³

- Hình thức đổ thải: Chôn lấp, đổ tràn.

- Kết thúc đổ thải: Bãi thải sau khi đổ đầy theo thiết kế, tiến hành phủ lớp đất trồng dày tối thiểu 20cm, trồng cỏ hoặc cây xanh; xây dựng Khu dân cư.

(7) Bãi thải số 09

a) Vị trí, diện tích

Bãi thải số 09 có diện tích khoảng 1,507 ha thuộc KCN phía Đông KKT Dung Quất (thuộc tờ bản đồ số 55,64 thôn An Lộc Bắc, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi), được giới hạn bởi các vị trí điểm góc có tọa độ (VN 2000) như sau:

Tọa độ điểm góc - Bãi thải số 09					
STT	X	Y	STT	X	Y
M1	1696400.25	588870.66	M3	1696570.13	588867.68
M2	1696488.26	588957.88	M4	1696477.15	588780.62

b) Phương án đổ thải

- Loại chất thải: Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng; Đất, đá, vật liệu xây dựng dư thừa.

- Cao độ đỉnh bãi: +4.53m.

- Trữ lượng đổ thải khoảng: 31.634 m³

- Hình thức đổ thải: Chôn lấp, đổ tràn.

- Kết thúc đổ thải: Bãi thải sau khi đổ đầy theo thiết kế, tiến hành phủ lớp đất trồng dày tối thiểu 20cm, trồng cỏ hoặc cây xanh.

(Phần chi tiết có thuyết minh và bản vẽ kèm theo).

Điều 2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc, các sở, ban, ngành và địa phương liên quan kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung.

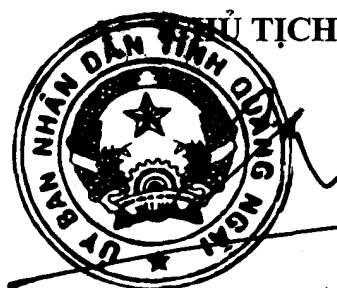
Điều 3. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tổ chức công bố, hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung quy hoạch này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn, Trưởng Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thường trực Tỉnh ủy (B/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), NNTN, CBTH;
- Lưu:VT, CN (lnphong725)



Trần Ngọc Căng